

QUYẾT ĐỊNH số 31/2005/QĐ-BNV
ngày 04/3/2005 của Bộ trưởng
Bộ Nội vụ về việc phê duyệt
Điều lệ Hội Kế hoạch hóa gia
đình Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ, Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam đã được Đại hội lần thứ III thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2004.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ, Chánh Văn phòng Bộ Nội

vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thủ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam

(kèm theo Quyết định số 31/2005/QĐ-BNV do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ngày 04 tháng 3 năm 2005) phê duyệt Điều lệ Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

Hội lấy tên là: Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam, sau đây gọi tắt là "Hội".

Tên tiếng Anh: Vietnam Family Planning Association, gọi tắt là VINAFFPA

Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-4-8461142/43; FAX: 84-4-8447232.

E-mail: vinafpa@netnam.org.vn

Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam là một tổ chức xã hội nghề nghiệp phi chính

phủ, tập hợp những tổ chức, cá nhân, không phân biệt nguồn gốc, giới tính, dân tộc, tôn giáo, chính kiến, tàn tật, tuổi tác trong kết nạp Hội viên, trong cung cấp thông tin dịch vụ và tuyển chọn cán bộ hay bất kỳ lĩnh vực nào trong công việc của Hội, có tâm huyết tham gia hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành về Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình.

Hoạt động của Hội tuân theo chiến lược quốc gia về Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình, vì hạnh phúc nhân dân trên cơ sở nhân đạo.

Mục tiêu hoạt động của Hội là phi vụ lợi. Tất cả mọi thu nhập, hàng hóa và tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho việc thực hiện các mục tiêu mà hội theo đuổi, không được cho vay, đóng cổ phần cho bất kỳ hội viên hay cán bộ nào của Hội.

Điều 2. Tính chất của Hội

Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam là một tổ chức xã hội nghề nghiệp. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, độc lập về tài chính và được mở tài khoản tại Ngân hàng.

Hội có trụ sở chính tại Hà Nội. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Hội có thể xin phép thành lập thêm văn phòng đại diện; Chi hội ở một số địa phương trong nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội

Hội hoạt động theo pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Điều lệ này.

Nguyên tắc hoạt động của Hội là tự nguyện, tự quản, tự trang trải về tài chính, dân chủ, hiệp thương và thống nhất hành động.

Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam là thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và là thành viên của Hiệp hội Kế hoạch hóa gia đình Quốc tế (International Planned Parenthood Federation, viết tắt là IPPF). Hội hoạt động theo tôn chỉ mục đích Điều lệ Hội và tôn trọng điều lệ của IPPF.

Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và được Ủy ban hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội:

4.1. Giúp đỡ các hội viên nâng cao hiểu biết thông qua việc tuyên truyền phổ biến rộng rãi những kiến thức và cung cấp tư vấn, dịch vụ về Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình, mở rộng việc tuyên truyền không chỉ trong Hội viên, mà cả cộng đồng kể cả vị thành niên và thanh niên, đặc biệt với người nghèo và ở vùng sâu, vùng xa. Vận động thuyết phục để giúp họ chuyển đổi hành vi biết tự chăm sóc Sức khỏe sinh sản/thực hiện Kế hoạch hóa gia đình và thực hiện đầy đủ trách nhiệm làm cha mẹ

để góp phần tích cực thực hiện chiến lược Dân số/Sức khỏe sinh sản Quốc gia.

4.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng thông tin tư vấn, giáo dục, truyền thông và truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình cho Hội viên để họ hoạt động hiệu quả hơn trong các cộng đồng.

4.3. Hợp tác với các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể hữu quan trong nước để đẩy mạnh việc thực hiện chương trình Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình. Đồng thời hợp tác với các Hội Kế hoạch hóa gia đình các nước và các tổ chức quốc tế quan tâm đến lĩnh vực dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình để tranh thủ sự hỗ trợ nguồn lực, kỹ thuật và trao đổi kinh nghiệm, phát huy ảnh hưởng của Hội nhằm phục vụ chương trình Quốc gia về Dân số và Sức khỏe sinh sản hiệu quả hơn.

4.4. Xây dựng Quỹ Hội bằng các hình thức kêu gọi sự đóng góp, vận động và thực hiện những hoạt động hợp pháp. Tiếp nhận, bảo quản và sử dụng những tài sản, quà tặng, các khoản viện trợ, trợ cấp và các khoản phúc lợi khác theo đúng pháp luật của Nhà nước và đúng với những điều khoản cam kết với các tổ chức, cá nhân đã ủng hộ và viện trợ.

Điều 5. Quyền hạn của Hội:

5.1. Thay mặt Hội viên tham gia ý kiến vào các văn bản pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Hội viên.

5.2. Phối hợp với các tổ chức hữu quan trong nước nhằm thực hiện tốt các mục tiêu của Hội.

5.3. Gia nhập các tổ chức trong nước và Quốc tế có mục tiêu phù hợp với Hội theo quy định của Nhà nước và thông lệ quốc tế.

5.4. Thành lập các đơn vị trực thuộc theo nhu cầu của từng giai đoạn để thực hiện các nhiệm vụ của Hội. Phát triển các cơ sở cung cấp tư vấn dịch vụ Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình với chất lượng chăm sóc cao theo chuẩn mực quốc gia và Quốc tế cho tất cả các đối tượng có nhu cầu được dễ dàng tiếp cận và không có bất kỳ một sự phân biệt nào, không ép buộc lấy dịch vụ này là điều kiện để chấp nhận dịch vụ khác.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Hội viên:

Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên tán thành điều lệ Hội đều có thể xin gia nhập Hội.

Hội viên danh dự: Là những người có uy tín trong xã hội, có những đóng góp lớn cho Hội, được Hội mời là Hội viên danh dự. Hội viên này có nhiệm vụ tôn trọng điều lệ của Hội nhưng không tham gia ứng cử, bầu cử và không phải đóng Hội phí

Hội viên chính thức là những công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên tán thành và

thực hiện tôn chỉ mục đích của Hội tự nguyện làm đơn hoặc đăng ký ghi tên xin gia nhập Hội được Hội cơ sở kết nạp.

Hội viên tập thể: Mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị muốn trở thành Hội viên tập thể của Hội đều phải gửi đơn và làm đầy đủ hồ sơ theo quy định đến Ban thường vụ xem xét.

Điều 7. Nghĩa vụ của hội viên:

- Thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ và các quy định của Hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Hội;

- Tham gia các hoạt động của Hội theo nghị quyết đã được Đại hội hoặc Ban chấp hành Hội ban hành;

- Đóng hội phí và các khoản khác đầy đủ và đúng quy định;

- Bảo vệ uy tín của Hội: không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch không xuất phát từ lợi ích Hội. Nhất thiết, trong các quan hệ giao dịch khi nhân danh Hội, phải báo cáo với Ban Thường vụ Trung ương Hội;

- Phổ biến, tuyên truyền tôn chỉ mục đích của Hội trong nhân dân, phát triển Hội viên và vận động nhân dân thực hiện chương trình Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân trong chương trình dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình Quốc gia. Giữ gìn tình đoàn kết, tạo dựng sự đồng thuận vì mục tiêu chung của đơn vị mình đang tham gia hoạt động. Không tham ô,

lãng phí, không được lợi dụng danh nghĩa Hội để mang lại lợi ích riêng tư hoặc làm giàu cho cá nhân mình

Điều 8. Quyền và lợi ích của hội viên:

8.1. Hội viên có quyền:

8.1.1. Được tham gia bầu cử và ứng cử vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội. Mọi Hội viên đã được kết nạp vào Hội đóng góp hội phí đầy đủ đều được bầu cử và ứng cử vào cơ quan lãnh đạo các cấp Hội trừ 4 đối tượng sau:

a) Những Hội viên là cán bộ ăn lương của Hội,

b) Những Hội viên không đóng Hội phí trên nửa năm,

c) Những Hội viên làm công việc liên quan đến cung cấp hàng hóa, dịch vụ, tài chính của Hội,

d) Những Hội viên danh dự.

8.1.2. Mỗi hội viên chỉ được bầu 01 phiếu bầu trực tiếp, nếu ủy quyền phải có văn bản theo quy định của pháp luật.

8.1.3. Được đề xuất, biểu quyết và giám sát mọi hoạt động của Hội.

8.1.4. Được tham gia sinh hoạt trong các Hội Kế hoạch hóa gia đình cơ sở, chi hội hoặc phân chi hội.

8.1.5. Hồ sơ các cá nhân Hội viên được lưu giữ và cập nhật hàng năm tại các cơ sở Hội.

8.1.6. Được xin ra khỏi Hội.

8.2. Lợi ích của Hội viên:

8.2.1. Được đào tạo và bồi dưỡng theo

những hình thức thích hợp những kiến thức về Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình và kỹ năng vận động thuyết phục quần chúng.

8.2.2. Được Hội khen thưởng nếu tham gia tích cực và hiệu quả vào các hoạt động của Hội.

8.2.3. Được thông tin về tình hình các chương trình hoạt động cũng như tài chính của Hội.

Điều 9. Thủ tục gia nhập Hội:

Các tổ chức cá nhân tán thành Điều lệ Hội tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu) gửi Ban thường vụ cấp Hội tương ứng nếu là Hội viên tập thể và gửi Ban chấp hành chi Hội cơ sở nếu là Hội viên, được Ban thường vụ cấp Hội tương ứng hoặc Ban chấp hành chi Hội chấp nhận ra quyết định kết nạp sẽ là Hội viên của Hội.

Điều 10. Thủ tục chấm dứt quyền hội viên:

Hội viên tự nguyện xin rút khỏi Hội phải làm đơn hoặc báo cáo trong cuộc họp chi Hội và được 2/3 số Hội viên của chi Hội đồng ý thì đưa ra khỏi danh sách Hội viên. Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt ngay sau đó.

Chương IV

BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 11. Bộ máy quản lý và điều hành của Hội:

- Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam,

- Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực Trung ương Hội,

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội,

- Ban Kiểm tra,

- Văn phòng Trung ương Hội,

- Giám đốc điều hành,

- Các đơn vị trực thuộc Hội: Ban chuyên môn (Hội đồng khoa học....); Tạp chí, các Trung tâm tư vấn, dịch vụ của Hội.

Điều 12. Tổ chức Hội

Hội Kế hoạch hóa gia đình được thành lập ở Trung ương và địa phương.

Ở Trung ương là Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam.

Ở địa phương là Hội Kế hoạch hóa gia đình địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) ra quyết định thành lập và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam

Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Hội. Đại hội được tổ chức 5 năm 1 lần.

- Các tỉnh/thành Hội với tư cách là hội viên tập thể của Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam được bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc. Cứ trên 5.000

Hội viên được bầu thêm 1 đại biểu và tối đa không quá 15 đại biểu cho 1 tỉnh/thành Hội.

- Các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội đương nhiệm là đại biểu Đại hội.

- Nhiệm vụ chính của Đại hội nhiệm kỳ:

- Thông qua sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có).

- Thảo luận Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Hội.

- Thảo luận góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban kiểm tra.

- Thảo luận và phê duyệt quyết toán nhiệm kỳ cũ và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Hội.

- Bầu cử Ban Chấp hành; Ban Kiểm tra.

- Thảo luận và thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Ban chấp hành có thể triệu tập Đại hội đại biểu bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội, theo đề nghị của Chủ tịch Ban Chấp hành Hội khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu, hoặc trên 2/3 tổng số hội viên yêu cầu.

Thông báo Đại hội phải trước ít nhất 30 ngày. Thư triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc phải ghi rõ chương trình nghị sự và gửi đến tất cả đại biểu ít nhất 2 tuần trước ngày họp.

Các Nghị quyết của Đại hội đại biểu được thông qua bằng biểu quyết theo nguyên tắc đa số, hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

Điều 14. Ban Chấp hành

Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa 2 kỳ Đại hội

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

Ban Chấp hành được Đại hội bầu, hình thức bầu do Đại hội quyết định. Danh sách các ủy viên đề cử và ứng cử phải được Đại hội thông qua. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành là 5 năm. Các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội không tham gia Ban Chấp hành liên tục quá 3 nhiệm kỳ (15 năm).

Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành.

Ban Chấp hành họp ít nhất 1 lần trong một năm theo triệu tập của Chủ tịch Ban Chấp hành. Các phiên họp Ban Chấp hành được coi là hợp lệ khi có mặt 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

Các quyết định và nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua bằng biểu quyết và chỉ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp tán thành. Nếu số phiếu thuận và không thuận là ngang nhau, bên nào có ý kiến của Chủ tịch Ban Chấp hành sẽ được chấp thuận.

Ban Chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết của Đại hội;

- Quyết định kế hoạch chương trình công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành;

- Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ và hàng năm của Hội;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các kỳ Đại hội;

- Chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và các tài liệu trình Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị toàn thể hàng năm;

- Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, quy chế sử dụng tài chính của Hội, quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội;

- Bầu cử và bãi miễn các chức danh lãnh đạo Hội: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Giám đốc điều hành, các ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Trung ương Hội

Ban Thường vụ Trung ương Hội gồm Chủ tịch, các phó Chủ tịch và 1 số ủy viên do Ban Chấp hành bầu. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ không được quá 1/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành và cố gắng có ít nhất 50% là phụ nữ. Ban thường vụ Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 kỳ Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Hội.

Các cuộc họp Ban Thường vụ cần có mặt ít nhất là 2/3 tổng số ủy viên và mọi

quyết định phải được đa số các ủy viên dự họp biểu quyết tán thành.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội:

1. Chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Ban Thường vụ và giải quyết những vấn đề cần thiết giữa 2 kỳ họp Chấp hành.

2. Kiểm điểm và báo cáo Ban Chấp hành việc thực hiện các chính sách, kế hoạch và chương trình công tác, ngân sách đã đề ra.

Ban Thường vụ Trung ương Hội định kỳ 3 tháng họp 1 lần. Các cuộc họp Thường vụ cũng như Chấp hành sẽ được thông báo thời gian địa điểm và chương trình nghị sự đến các ủy viên trước 10 ngày.

Điều 16. Ban Thường trực Trung ương Hội

Ban Thường trực Trung ương Hội gồm Chủ tịch và các phó Chủ tịch thay mặt Ban Thường vụ lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa 2 kỳ họp của Ban Thường vụ.

Ban Thường trực Trung ương Hội có nhiệm vụ:

1. Lãnh đạo Chánh văn phòng Trung ương Hội và Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược, mọi nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, dự án của Hội.

2. Tuyển chọn, bổ nhiệm và ký hợp đồng hoặc thải hồi Giám đốc điều hành

sau khi có Quyết định của Ban chấp hành.

3. Chuẩn bị các vấn đề để trình Ban Thường vụ thảo luận và quyết định.

4. Hợp tác với chính quyền các cấp, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức Quốc tế và các Hội Kế hoạch hóa gia đình các nước. Thay mặt Ban Thường vụ ký các văn kiện hợp tác với các tổ chức trên về lĩnh vực Dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình khi có Nghị quyết hoặc quyết định đồng ý cho phép ký kết bằng văn bản của Ban Thường vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ký kết này.

5. Tổ chức các hoạt động hợp pháp khác để xây dựng quỹ Hội theo đúng quy định của pháp luật.

6. Xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách cho các chương trình dự án hoạt động của Hội hàng năm theo quy định của Ban Chấp hành.

7. Xây dựng chính sách và các tiêu chí chọn, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trình Ban Chấp hành thông qua.

8. Ban Thường trực làm việc chuyên trách và có chế độ họp giao ban ít nhất 1 tháng 1 lần.

Điều 17. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

Chủ tịch Ban Chấp hành đồng thời là Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Ban Chấp hành đồng thời là Phó Chủ tịch Hội.

Chủ tịch Hội có quyền hạn và trách nhiệm:

- Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật.

- Chủ tài khoản, quản lý tài chính và tài sản của Hội.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị toàn thể và các nghị quyết của Ban Chấp hành.

- Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Hội.

- Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự trực thuộc Hội khi có nghị quyết của Ban Chấp hành theo khoản 14.8 Điều 14 của Điều lệ này.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Hội.

- Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc của Hội theo đề nghị của Giám đốc điều hành, sau khi có Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành theo khoản 6 Điều 16 của Điều lệ này.

Phó Chủ tịch Hội là người giúp cho Chủ tịch trong công tác quản lý và điều hành Hội; được Chủ tịch ủy nhiệm và phân công trực tiếp phụ trách và điều hành một số công việc của Hội; được ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 18. Văn phòng Trung ương Hội:

Văn phòng Trung ương Hội là cơ quan hành chính của Hội, Văn phòng Trung ương Hội hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt.

- Tổ chức bộ máy của Văn phòng Hội do Ban Chấp hành phê duyệt.

- Các cán bộ của Văn phòng phải là những người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao, qua tuyển dụng, làm việc theo hợp đồng hàng năm.

- Kinh phí cho hoạt động hàng năm của Văn phòng do Chánh văn phòng dự trù trình Ban Chấp hành duyệt và Hội nghị Ban chấp hành hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

- Chánh văn phòng Trung ương Hội quản lý điều hành mọi hoạt động của văn phòng Trung ương Hội dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường trực Trung ương Hội.

Điều 19. Giám đốc điều hành dự án IPPF:

Giám đốc điều hành dự án IPPF do Ban thường trực Trung ương Hội phối hợp với đại diện IPPF khu vực Đông, Đông Nam Châu Á và Châu Đại Dương tuyển chọn. Giám đốc điều hành có các nhiệm vụ sau:

- Đại diện cho Văn phòng Trung ương Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày với văn phòng Hiệp hội Kế hoạch hóa gia đình quốc tế.

- Tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động hàng ngày của các dự án do IPPF tài trợ.

- Quản lý hồ sơ, tài liệu giao dịch của Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam với IPPF.

- Xây dựng các quy chế hoạt động của các dự án do IPPF tài trợ, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt.

- Định kỳ làm dự thảo báo cáo chuẩn bị cho các cuộc họp Ban thường vụ, Ban Chấp hành, báo cáo nhiệm kỳ trình Đại hội về các hoạt động của các dự án do IPPF tài trợ.

- Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các hội viên và các tổ chức trực thuộc.

- Chịu trách nhiệm trước Ban thường trực, Ban thường vụ, Ban chấp hành Trung ương Hội và trước pháp luật về các hoạt động của các dự án do IPPF tài trợ.

- Giám đốc điều hành phải nghiêm túc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đã được IPPF và Hội quy định.

- Giám đốc điều hành được dự Hội nghị Ban chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 20. Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra có 01 Trưởng Ban phụ trách do Đại hội bầu, gồm từ 3 đến 5 thành viên. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Đại hội đại biểu toàn quốc thông qua.

Các hoạt động của Ban Kiểm tra phục vụ Hội được chi vào quỹ của Hội.

Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền

hạn: Theo dõi giám sát các hội viên và tổ chức của Hội trong việc chấp hành Điều lệ và các quy định của pháp luật.

Thông báo với hội viên về kết quả kiểm tra và kiến nghị với Ban chấp hành các vấn đề cần được giải quyết.

Trưởng Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội.

Điều 21. Các tổ chức và đơn vị trực thuộc Hội:

Hội có thể thành lập một số đơn vị hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn... Việc thành lập các đơn vị này đều phải tuân thủ quy định của pháp luật.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 22. Tài chính và tài sản của Hội:

Các khoản thu của Hội gồm có:

- Lệ phí tham gia nhập Hội và hội phí thường niên do hội viên đóng góp theo quy định.

- Tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

- Các khoản thu do hoạt động của Hội tạo ra.

- Các nguồn thu khác.

Các khoản chi của Hội:

- Các khoản chi của Hội phải bảo đảm nguyên tắc: đúng mục đích, tiết kiệm,

hiệu quả, đúng quy định tài chính; gồm có:

- Chi cho hoạt động của Văn phòng, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Hội nghị, Đại hội, tiền thuê trụ sở, mua sắm trang thiết bị.

- Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản.

- Chi xây dựng, trang bị sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị làm việc.

- Chi lương, chi khen thưởng thi đua.

- Chi hoạt động quan hệ quốc tế.

- Các khoản chi khác.

Ban Chấp hành, căn cứ vào tình hình tài chính hàng năm của Hội, đề xuất mức hội phí thường niên và thông qua hội nghị toàn thể.

Ban Chấp hành quy định quy chế về quản lý, sử dụng nguồn tài chính và tài sản của Hội, phù hợp với quy chế tài chính chung của Nhà nước và phải được báo cáo công khai trước hội viên tại Hội nghị toàn thể hàng năm.

Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm tại Đại hội thường kỳ.

Chương VI

GIẢI THỂ HỘI

Điều 23. Chấm dứt hoạt động Hội

Hội chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- Hội tự nguyện giải thể theo nghị quyết của trên 50% tổng số hội viên.

- Hội bị giải thể khi 12 tháng không hoạt động liên tục.

- Khi giải thể, cơ quan Nhà nước ra quyết định giải thể Hội chỉ định một Ban thanh lý tài sản. Ban thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo kết quả thanh lý cho toàn thể hội viên và cơ quan chức năng Nhà nước có liên quan.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng:

Những thành viên có thành tích đóng góp cho sự phát triển Hội, sẽ được khen thưởng.

Điều 25. Kỷ luật:

Các hội viên hoạt động trái với điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự, quyền lợi của Hội phải chịu kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi điều lệ

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội toàn thể Hội nhất trí kiến nghị và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm có 8 chương 27 điều, đã được Đại hội Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam nhiệm kỳ III thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2004./.

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 17/2005/TT-BTC

ngày 03/3/2005 sửa đổi một số điểm của Thông tư số 63/2004/TT-BTC ngày 28/6/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ; để thống nhất thực hiện quy định về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, Bộ Tài chính sửa đổi điểm 2 Mục VI của Thông tư số 63/2004/TT-BTC ngày 28/6/2004 của Bộ Tài chính như sau:

1. Điểm 2 Mục VI được sửa đổi như sau:

“Đối với các chủ đầu tư có dự án (bao gồm dự án vay vốn đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư) đã